

Nguyễn Phi Long

Chuyên viên phân tích

Long.nguyenphi@mbs.com.vn

Hoàng Công Tuấn

Trưởng bộ phận kinh tế

Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

Kinh tế Việt Nam

- **GDP năm 2019 tăng trưởng 7,02%, vượt mục tiêu Quốc Hội đề ra**
- **Kim ngạch xuất khẩu trong năm 2019 ước tính đạt 263,5 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ 2018, thặng dư thương mại đạt 9,9 tỷ USD**
- **Ngành công nghiệp tăng trưởng 8,9% trong năm 2019 nhờ công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục tăng trưởng tích cực (+11,3% yoy)**
- **Tăng trưởng đơn hàng mới tích cực tuy nhiên một số vấn đề về dây chuyền sản xuất khiến chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam trong tháng 12 giảm nhẹ về mức 50,8 điểm từ mức 51 điểm trong tháng 11**
- **Vốn FDI đăng ký trong năm 2019 tăng 7,1% yoy lên mức 38 tỷ USD, vốn FDI giải ngân đạt 20,4 tỷ USD (+6,7% yoy)**
- **Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong năm 2019 tăng 11,8%, mức cao nhất trong 4 năm**
- **Lạm phát tháng 12 tăng 1,4% MoM do giá thị lợn tiếp tục tăng và nhu cầu tiêu dùng gia tăng trước Tết Nguyên Đán**
- **Không có áp lực lên tỷ giá trong thời điểm cuối năm, đôi lập với diễn biến trong các năm trước**

Tăng trưởng kinh tế

GDP năm 2019 tăng trưởng 7,02%, vượt mục tiêu Quốc Hội đề ra

GDP quý IV/2019 tăng 6,97% so với cùng kỳ, GDP năm 2019 tăng trưởng vượt mục tiêu Quốc Hội đề ra (6,6-6,8%), ở mức 7,02% (Quý I tăng 6,82%, quý II tăng 6,73%, quý III tăng 7,48%, quý IV tăng 6,97%). Mức tăng GDP năm nay chỉ thấp hơn mức tăng 7,08% trong năm 2018, nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011 – 2017.

Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 50,4% vào mức tăng chung, khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45% và khu vực nông, lâm, thủy sản có mức tăng trưởng thấp nhất với 2%, chỉ đóng góp 4,6%.

Trên góc độ sử dụng GDP quý IV/2019, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,29% so với cùng kỳ, tích lũy tài sản tăng 8,28%, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 5,05% , nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 6,71%.

Hoạt động thương mại

Kim ngạch xuất khẩu trong năm 2019 ước tính đạt 263,5 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ 2018

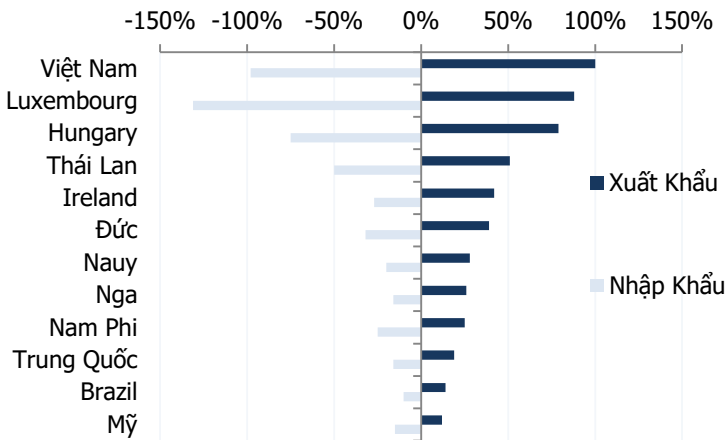
Tháng 12/2019 nhập siêu ước tính đạt 1 tỷ USD do nhu cầu tiêu dùng gia tăng thời điểm cận Tết âm lịch tuy nhiên cả năm 2019, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm xuất siêu liên tiếp.

Kim ngạch xuất khẩu trong năm 2019 ước tính đạt 263,5 tỷ USD (+8,1% so với cùng kỳ), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước tính đạt 253,5 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2018. Xuất khẩu hàng hóa trong tháng 12 tăng 10,1% so với cùng kỳ, ước đạt 21,8 tỷ USD. Tăng trưởng xuất khẩu tích cực nhờ tăng trưởng tại các mặt hàng xuất khẩu chính: xuất khẩu điện thoại và linh kiện chiếm tỷ trọng 19,7% tổng giá trị xuất khẩu, đạt 51,8 tỷ USD, tăng trưởng 5,3% so với cùng kỳ; xuất khẩu thiết bị điện tử, máy tính và linh kiện đạt 35,6 tỷ USD (+20,4%), xuất khẩu hàng dệt may đạt 32,6 tỷ USD (+6,9%) và giày dép đạt 18,3 tỷ USD (+12,7%), máy móc thiết bị đạt 18,3 tỷ USD (+11,9%), và xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 10,5 tỷ USD, tăng 18,2%.

Trong năm 2019, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 60,7 tỷ USD, tăng 27,8% so với cùng kỳ 2018, tiếp đó là thị trường châu Âu đạt 41,7 tỷ USD (-0,7% yoy) và xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 41,5 tỷ USD (+0,2%).

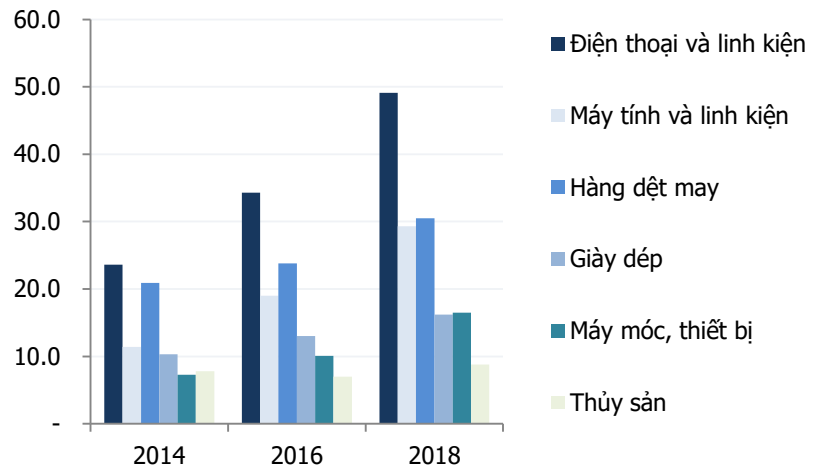
Nhập khẩu trong năm 2019 ước tính đạt 253,5 tỷ USD, tăng 7% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó có 4 mặt hàng chiếm tới gần 50% tổng kim ngạch: điện tử, máy tính và linh kiện 51,6 tỷ USD (+19,5% yoy), máy móc, thiết bị đạt 36,6 tỷ USD (+11,4%), điện thoại và linh kiện đạt 14,7 tỷ USD (-7,9%), và nhập khẩu vải đạt 13,3 tỷ USD (+4,4%).

Hình 1. Tỷ trọng xuất/nhập khẩu (%GDP)



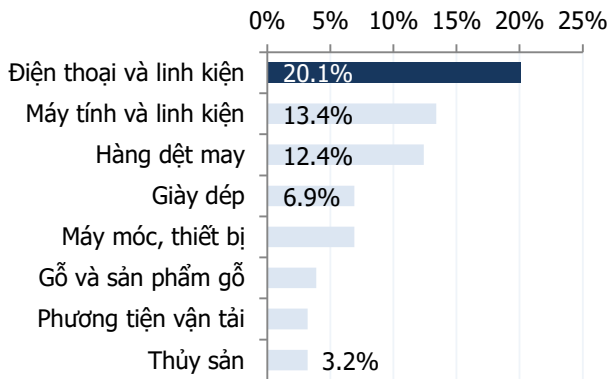
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 2. Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam (tỷ USD)



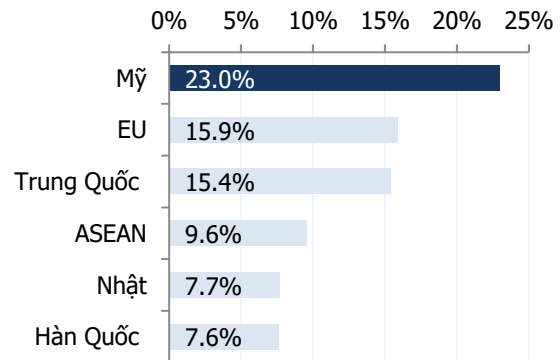
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 3. Tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu



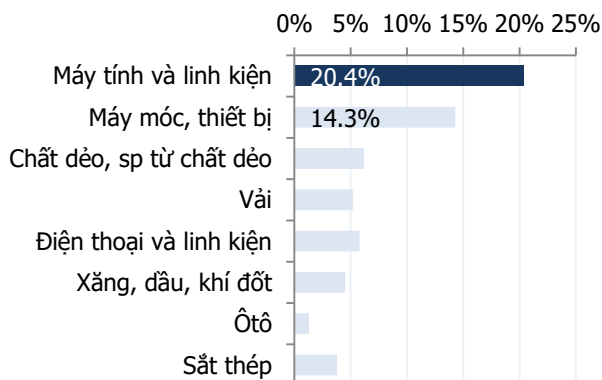
Nguồn: TCTK.

Hình 4. Các thị trường xuất khẩu chính

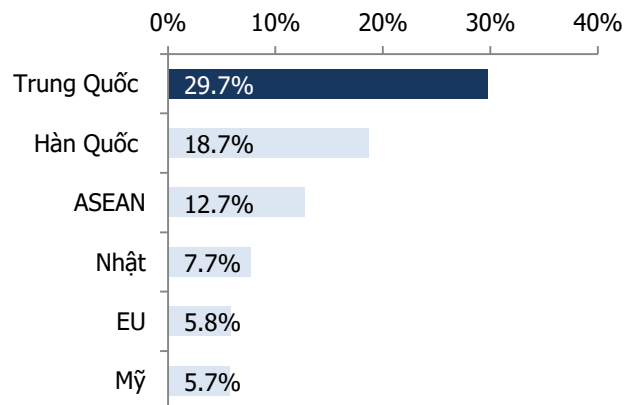


Nguồn: TCTK.

Hình 5. Tỷ trọng các mặt hàng nhập khẩu



Hình 6. Các nguồn nhập khẩu chính



Sản xuất công nghiệp

Ngành công nghiệp tăng trưởng 8,9% trong năm 2019 nhờ công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục tăng trưởng tích cực (+11,3% yoy)

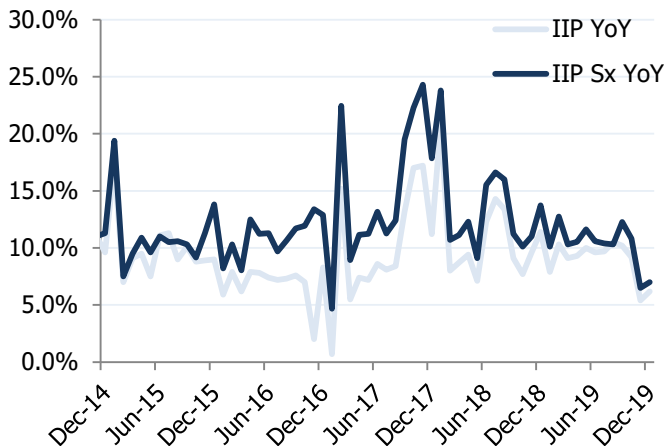
Sản xuất công nghiệp năm 2019 ước tính tăng 8,9% so với năm ngoái, trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn tiếp tục là động lực tăng trưởng với mức tăng 11,3%, đóng góp 2,3% vào mức tăng chung. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,1%, ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,7%, ngành khai khoáng tăng 1,3% do sau 3 năm giảm liên tục.

Các sản phẩm đóng góp cho mức tăng trưởng của ngành sản xuất công nghiệp: sản xuất kim loại (+28,6% yoy), sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế (+21%), thiết bị điện tử, máy tính (+6,6% yoy), điện thoại di động (+12,3%), nhựa và cao su (+14,3%).

Tăng trưởng đơn hàng mới tích cực tuy nhiên một số vấn đề về dây chuyền sản xuất khiến chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam trong tháng 12 giảm nhẹ về mức 50,8 điểm từ mức 51 điểm trong tháng 11

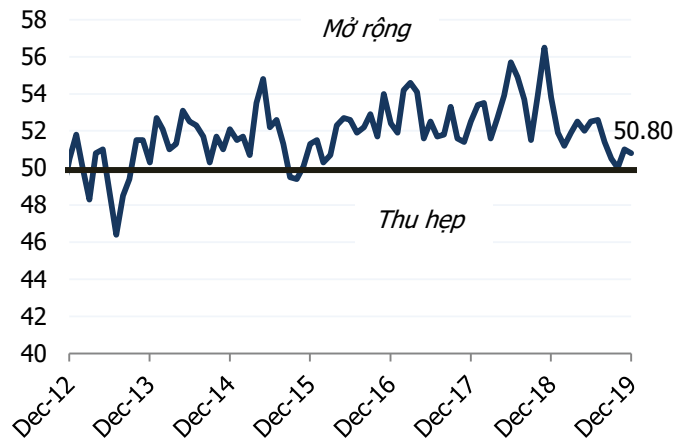
Theo IHS Markit, điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất đã được cải thiện trọng tháng 12 nhờ tăng trưởng đơn đặt hàng tiếp tục khả quan. Tốc độ tăng trưởng đơn đặt hàng duy trì ở mức tích cực với số lượng đơn hàng mới tăng lên, nhà sản xuất tăng cường tuyển dụng nhân sự và mua sắm nguyên vật liệu. Chỉ số PMI sản xuất tháng 12 giảm nhẹ về mức 50,8 từ mức 51 điểm trong tháng 11 do sản lượng suy giảm nhẹ và có một số vấn đề về dây chuyền sản xuất. Lạm phát tăng do nhu cầu lớn trong tháng cuối năm khiến chi phí đầu vào tăng đáng kể, tuy nhiên, nhà sản xuất đã chuyển phần tăng chi phí sang khách hàng bằng việc tăng giá thành trong tháng 12. Doanh nghiệp tiếp tục lập kế hoạch mở rộng sản xuất do kỳ vọng tình hình kinh doanh sẽ tiếp tục được cải thiện trong năm tới.

Hình 7. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12



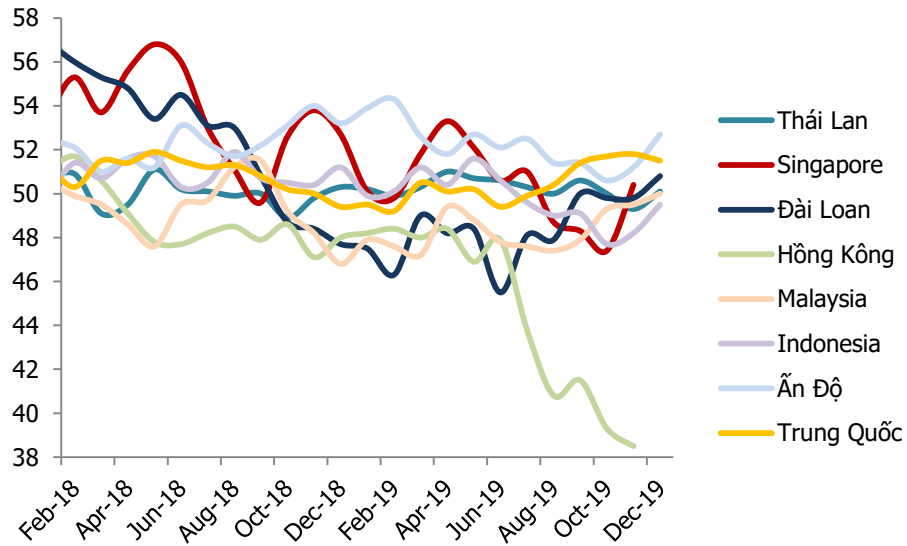
Nguồn: TCTK.

Hình 8. Chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam



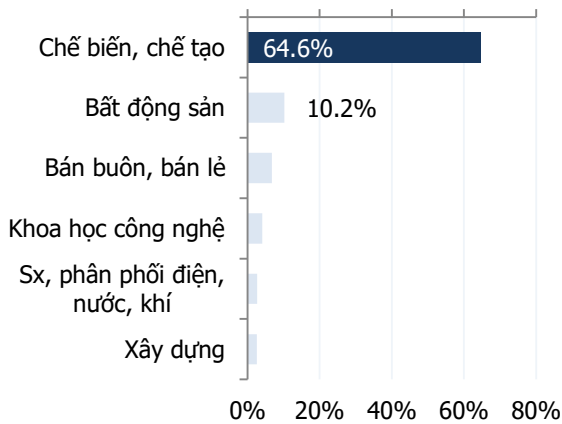
Nguồn: IHS Markit.

Hình 9. Chỉ số PMI của một số quốc gia trong khu vực



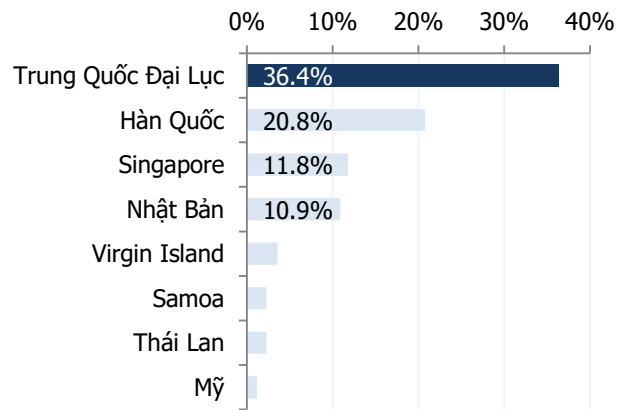
Nguồn: Bloomberg, IHS Markit.

Hình 10. Lĩnh vực thu hút dòng vốn FDI



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài.

Hình 11. Cơ cấu nhà đầu tư theo quốc gia



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài.

Đầu tư

Vốn FDI đăng ký trong năm 2019 tăng 7,1% yoy lên mức 38 tỷ USD, vốn FDI giải ngân đạt 20,4 tỷ USD (+6,7% yoy)

Tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2019, tổng vốn FDI đăng ký ước tính đạt 38 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 20,4 tỷ USD, tăng lần lượt 7,1% và 6,7% so với cùng kỳ. Số lượng dự án cấp mới tăng 27,5%, với 3.883 dự án và tổng số vốn đăng ký là 16,75 tỷ USD. Trong đó, ngành công nghiệp

sản xuất chế biến chế tạo thu hút lượng vốn FDI lớn nhất với 24,6 tỷ USD, tương đương với 65% tổng số vốn FDI đăng ký.

Xu hướng dòng vốn đầu tư vào Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng tích cực. Các hiệp định FTA được ký kết giúp cải thiện môi trường kinh doanh, cơ chế chính sách tạo điều kiện thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Hiệp định EVFTA, hiệp định tự do thương mại với EU được ký kết vào tháng 6/2019, khi có hiệu lực sẽ xóa bỏ 99% các mức thuế quan giữa Việt Nam và EU, là một trong các nhân tố thu hút dòng vốn đầu tư sản xuất xuất khẩu khi EU là một trong 3 đối tác thương mại và nhà đầu tư lớn nhất của Việt Nam.

Tiêu dùng

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong năm 2019 tăng 11,8%, mức cao nhất trong 4 năm

Theo TCTK, doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng tháng 12 ước tính đạt 433.2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với cùng kỳ. Trong năm 2019, tổng doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng 11,8% so với cùng kỳ lên mức 4,94 triệu tỷ đồng, nếu loại trừ mức tăng giá, đạt mức tăng 9% (so với mức 8,4% cùng kỳ 2018).

Doanh thu bán lẻ hàng hóa chiếm 76% tổng mức, đạt 3,75 triệu tỷ đồng (+12,7%), trong khi doanh thu từ dịch vụ ăn uống đạt 587 nghìn tỷ (+9,8%), chiếm tỷ trọng 12% và doanh thu từ dịch vụ du lịch là 46 nghìn tỷ đồng (+12,1%).

Lạm phát thấp, tăng trưởng GDP tích cực, tăng trưởng thu nhập ổn định và niềm tin người tiêu dùng vẫn ở mức cao là các động lực chính hỗ trợ sức khỏe của ngành bán lẻ, được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì tích cực trong trung hạn.

Chi tiêu của chính phủ

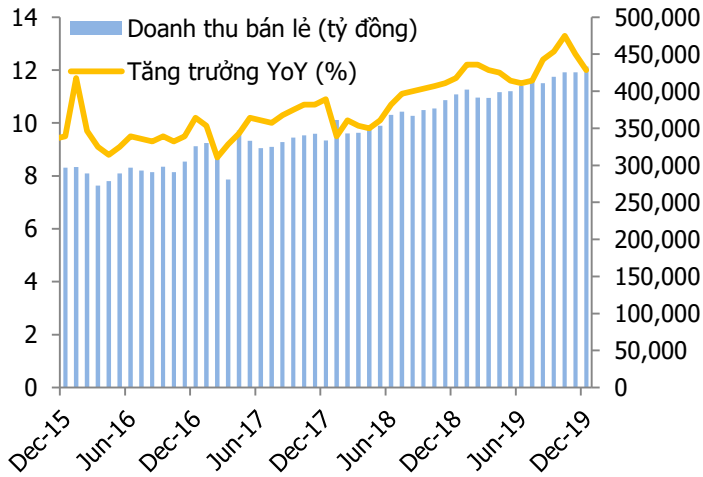
Thu NSNN đã hoàn thành 100% kế hoạch năm, ước đạt 1,4 triệu tỷ đồng

Tính đến ngày 15/12, tổng thu NSNN đã hoàn thành kế hoạch năm 2019, ước đạt 1,4 triệu tỷ đồng nhờ doanh thu từ thuế xuất nhập khẩu đạt 210 nghìn tỷ. Hoạt động thương mại chiếm 200% GDP, tăng trưởng ở mức 7,7% trong năm 2019 là nguồn thu ngân sách quan trọng của chính phủ. Giá dầu tăng 25% trong năm 2019 giúp doanh thu từ xuất khẩu dầu mỏ cải thiện, đạt 53,5 nghìn tỷ đồng, vượt dự toán 20%.

Tổng chi NSNN đạt 1,316 triệu tỷ đồng, thấp hơn 317 nghìn tỷ đồng so với kế hoạch do sự hoãn giải ngân đầu tư công (chỉ hoàn thành 57,5% dự toán, tương đương với 246,7 nghìn tỷ). Chi thường xuyên đạt 928 nghìn tỷ đồng, bằng 92,8% dự toán, chi trả nợ lãi ở mức 99,3 nghìn tỷ đồng.

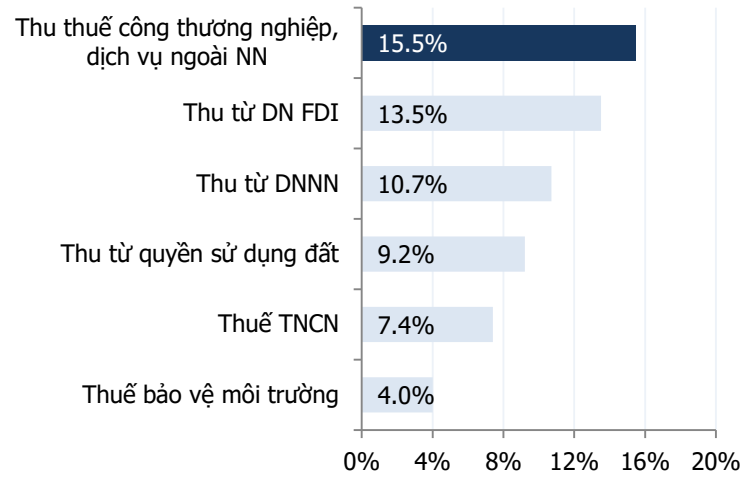
Tăng trưởng GDP đạt 7% trong năm 2019 và hoạt động thương mại tích cực dù bối cảnh kinh tế thế giới nhiều khó khăn đã cải thiện năng lực tài khóa và giúp ngân sách nhà nước kết thúc năm 2019 trên mức bội chi dự toán 3,6% GDP.

Hình 12. Tăng trưởng doanh thu bán lẻ.



Nguồn: TCTK.

Hình 13. Cơ cấu nguồn thu nội địa.



Nguồn: TCTK.

Hình 14. Cân đối NSNN (tính đến ngày 15/12/2019)

Tỷ đồng	Dự toán 2019	H1/2019	2019	% Kế hoạch năm
Tổng thu NSNN	1.411.300	660.600	1.414.300	100,2%
Thu nội địa	1.173.500	524.800	1.146.200	97,7%
Thu từ dầu thô	44.600	26.100	53.300	119,5%
Thu từ XNK	189.200	109.000	210.200	111,1%
Thu viện trợ	4.000			
Tổng chi NSNN	1.633.300	612.500	1.316.400	80,6%
Chi đầu tư phát triển	429.300	112.100	246.700	57,5%
Chi thường xuyên	999.466	441.100	927.900	92,8%
Chi trả nợ lãi	124.884	55.900	99.300	79,5%
Chi trả nợ gốc	196.799			0,0%
Cân đối NSNN	-222.000	48.100	97.900	
Tỷ lệ bội chi so với GDP		3,6%		
Tổng vay NSNN	425.252			

Nguồn: Bộ Tài Chính, TCTK.

Chỉ báo vĩ mô

Lạm phát tháng 12 tăng 1,4% MoM do giá thịt lợn tiếp tục tăng và nhu cầu tiêu dùng gia tăng trước Tết Nguyên Đán

Lạm phát tháng 12 tăng 1,4% so với tháng trước và 5,23% so với cùng kỳ 2018, mức tăng CPI cao nhất trong 9 năm. Tuy nhiên, CPI bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mức trần do Quốc Hội đề ra và thấp hơn nhiều so với lạm phát năm 2018 (3,54%).

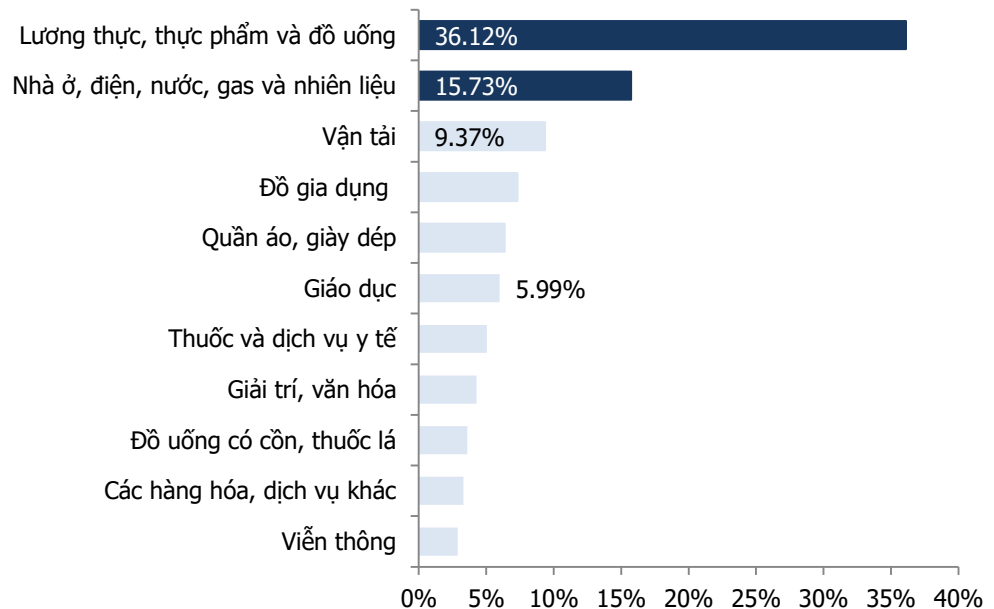
Nguyên nhân chỉ số CPI tăng mạnh trong những tháng gần đây là do giá thịt lợn tăng 20% trong tháng 12, làm giá của các sản phẩm từ thịt và các loại thịt khác cũng tăng theo: thịt bò (+2,04%), gà (+3,46%), hải sản (+1,11%). Giá thịt lợn tăng cao khiến nhóm thực phẩm tăng 4,41% MoM, nhóm dịch vụ ăn uống tăng 3,42%, đóng góp 1% vào mức tăng CPI do thực phẩm là nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất (36%) của chỉ số CPI.

Các nhóm ngành khác làm tăng chỉ số CPI trong tháng 12: vận tải (+0,61%), nhà ở và VLXD (+0,43%), may mặc và giày dép (+0,33%), đồ uống và thuốc lá (+0,25%), giải trí, văn hóa và du lịch tăng 0,09%.

Lạm phát cơ bản tháng 12 tăng 0,68% so với tháng trước và tăng 2,78% so với cùng kỳ. Lạm phát cơ bản trong năm 2019 tăng bình quân 2,01% so với năm 2018.

Chúng tôi cho rằng áp lực lạm phát sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới do nhu cầu hàng hóa và dịch vụ tăng cao trước dịp lễ, đặc biệt áp lực lên giá thịt lợn sẽ duy trì đến hết Tết âm lịch do nhu cầu thịt lợn thường tăng gấp đôi trong 7 ngày Tết, vào khoảng 100 nghìn tấn thịt.

Hình 15. Tỷ trọng các nhóm ngành (% CPI)

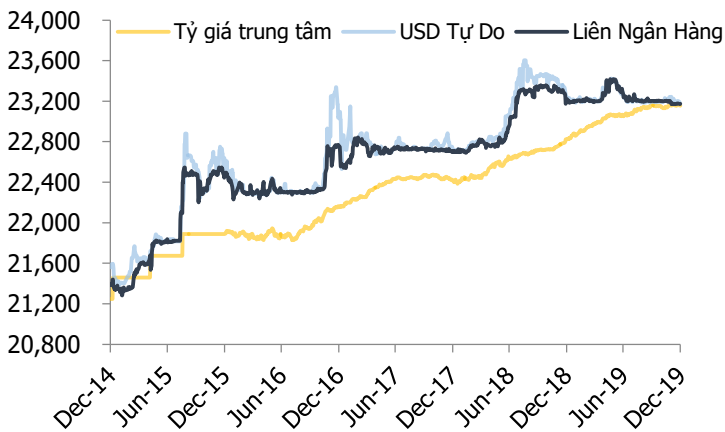


Nguồn: IMF.

Không có áp lực lên tỷ giá trong thời điểm cuối năm, đôi lập với diễn biến trong các năm trước

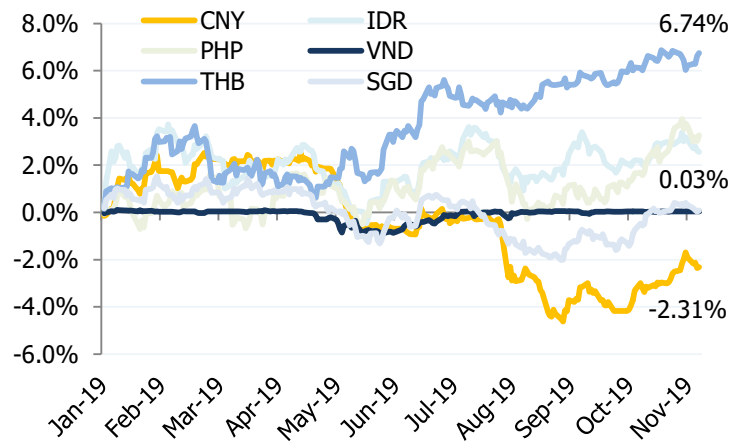
Thặng dư thương mại năm 2019 đạt 9,9 tỷ USD, dự trữ ngoại hối lên mức kỷ lục 79 tỷ USD và FDI giải ngân đạt 20 tỷ USD là giúp tỷ giá duy trì ổn định trong 6 tháng qua, thậm chí giảm trong tháng 12, mặc dù áp lực lạm phát tăng cao trong 2 tháng gần đây. Tỷ giá liên ngân giảm 24 đồng so với thời điểm cuối tháng 11, giao dịch ở mức 23,173 đồng/USD, trong khi tỷ giá trên thị trường tự do cũng giảm mạnh 65 đồng còn 23,175 đồng/USD. Chúng tôi đánh giá với tình hình Fed và các ngân hàng trung ương sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng hỗ trợ kinh tế trong năm 2020 và tăng trưởng kinh tế Mỹ dự báo sẽ suy giảm trong năm tới khiến áp lực tăng giá của đồng USD là rất thấp do đó không tạo áp lực lên VND, đồng thời NHNN còn khá nhiều dư địa chính sách để duy trì ổn định tỷ giá, hạn chế áp lực lạm phát lên tiền đồng trong thời gian tới.

Hình 16. Tỷ giá VND/USD



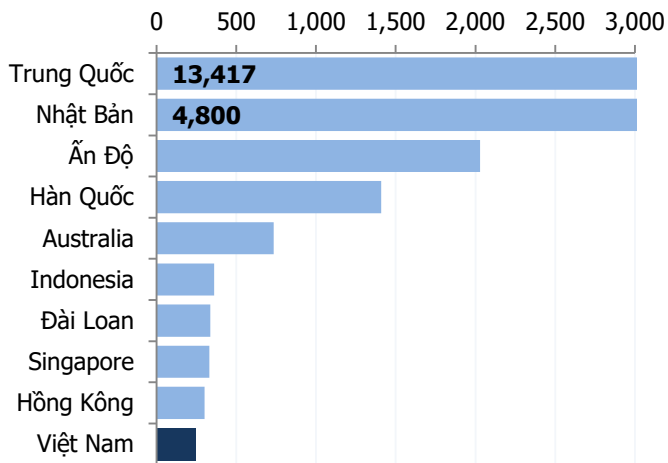
Nguồn: Bloomberg.

Hình 17. Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD

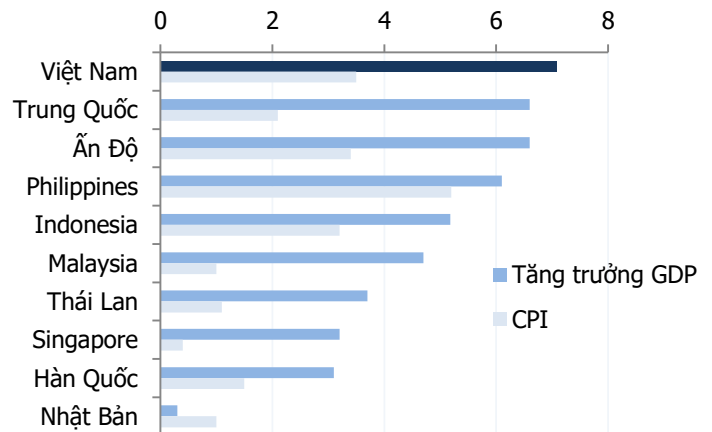


Nguồn: Bloomberg.

GDP (tỷ USD)

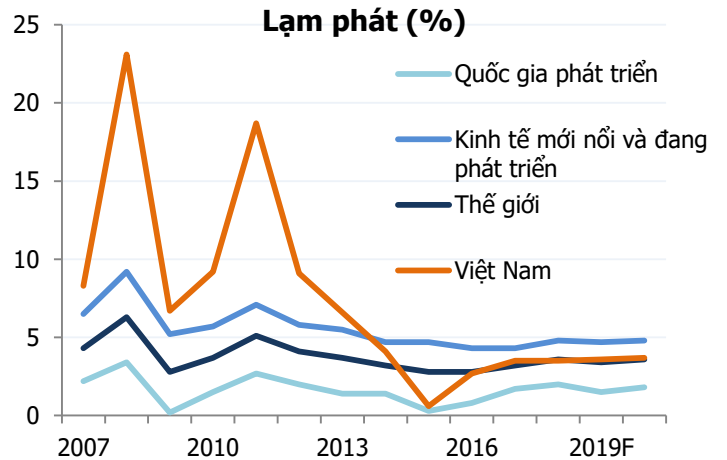
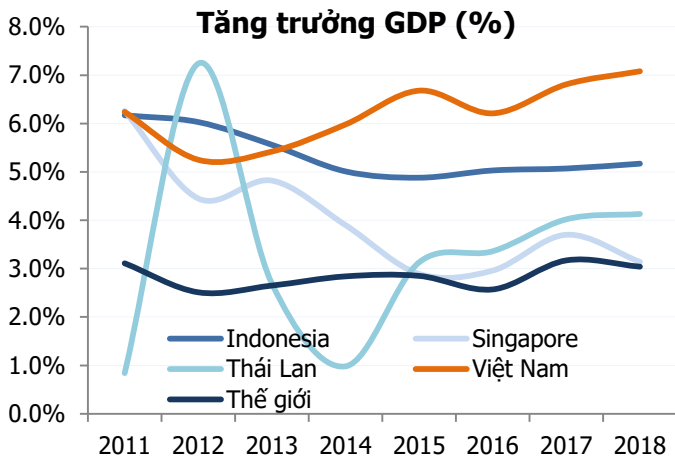


Tăng trưởng GDP và CPI (%)



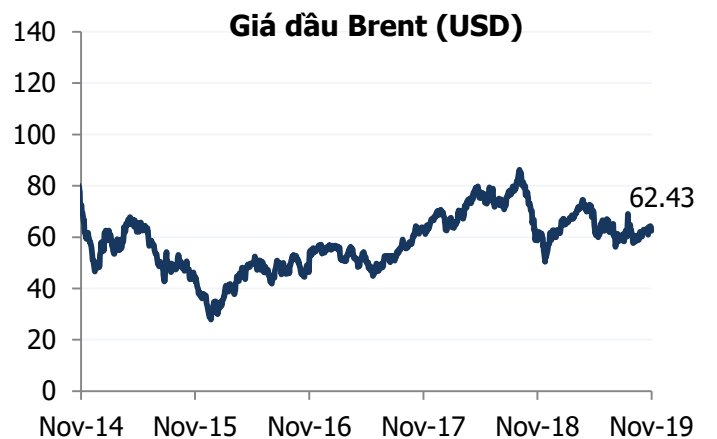
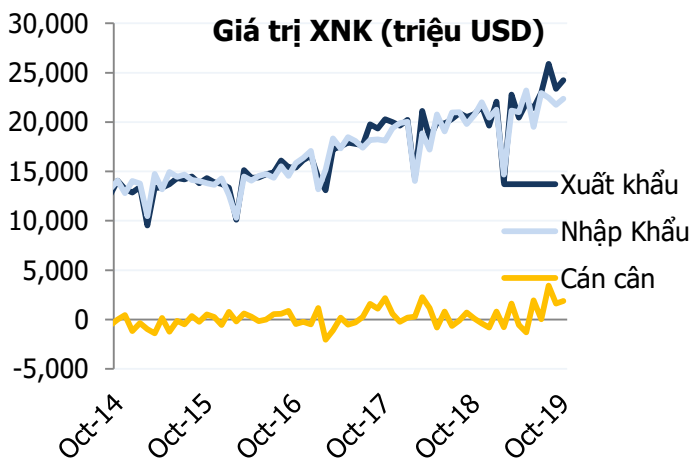
Nguồn: Bloomberg, MBS.

Nguồn: Bloomberg, MBS.



Nguồn: Bloomberg, MBS.

Nguồn: IMF.



Hình 18. Các chỉ số kinh tế Việt Nam

Các chỉ tiêu kinh tế	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020F
1. GDP, dân số và thu nhập							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	185,8	191,3	201,3	220,4	241,4	258,3	275,6
Tăng trưởng GDP thực (%)	6,0	6,7	6,2	6,8	7,1	7,0	6,8
Tiêu dùng lĩnh vực tư nhân (% yoy)	6,1	9,3	7,3	7,4	5,9	5,5	5,4
Tiêu thụ của chính phủ (% yoy)	7	7	7,5	7,3	6,6	6,5	6,5
Xuất khẩu hàng hóa dịch vụ	13,8	7,9	9,0	21,8	13,2	8,1	7,0
Nhập khẩu hàng hóa dịch vụ	12,0	12,0	5,6	21,9	11,1	7,0	7,5
Dân số (triệu người)	91,7	92,7	93,6	94,6	95,5	96,4	97,3
GDP/đầu người (USD)	2.047	2.086	2.172	2.353	2.551	2.740	2.955
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,1	2,33	2,33	2,2	2,2	2,2	2,2
2. Chỉ số tài khóa (%GDP)							
Nợ chính phủ	46,4	49,2	52,6	51,8	50	49,2	48,5
Nợ công	58	61	63,6	61,4	58,4	56,1	54,3
Nợ nước ngoài	38,3	42	44,8	48,9	46	45,8	45,5
3. Các chỉ số tài chính							
Tỷ giá USD/VND	21.373	22.485	22.740	22.690	23.180	23.440	23.300
Lạm phát (%)	4,1	0,6	2,7	3,5	3,5	2,8	3,7
Tăng trưởng tín dụng	14,2	17,1	18,7	18,2	13,9	12,1	14,2
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,8	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5
Cán cân thương mại (triệu USD)	2.368	-3.759	1.602	1.903	6.795	9.900	9.400
Hàng hóa: Xuất khẩu (triệu USD)	150.217	162.017	176.581	215.119	243.483	263.500	281.900
Hàng hóa: Nhập khẩu (triệu USD)	147.849	165.776	174.978	213.215	236.688	253.500	272.512
Cán cân vãng lai (triệu USD)	9.074	-119	5.924	4.676	5.844	5.726	5.435
Tổng dự trữ ngoại hối (triệu USD)	34.575	28.616	36.906	49.497	54.491	79.000	N/A

Nguồn: IMF, IMF Financial Statistics, EIU, Bloomberg, NFSC, MBS tổng hợp.

SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. TT Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC) và Công ty CP Việt R.E.M.A.X (Viet R.E.M), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

MBS HỢI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
ĐT: + 84 4 3726 2600 - Fax: +84 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.